

Số: 174 /QĐ-SKHCN

Lào Cai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, thang điểm và trình tự đánh giá công chức, viên chức, người lao động để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 1/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Công văn số 954/UBND-NC ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh Lào Cai về việc xây dựng tiêu chí đánh giá CBCCV trong sắp xếp tổ chức bộ máy năm 2025;

Căn cứ Kết luận của Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ tại Hội nghị ngày 28/3/2025;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-SKHCN ngày 01/3/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế làm việc của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, thang điểm và trình tự đánh giá công chức, viên chức, người lao động để thực hiện sắp xếp tổ

chức bộ máy, tinh giản biên chế và giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Đảng ủy Sở;
- Như Điều 2;
- Ban Thanh tra nhân dân;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, VP.



Vũ Hùng Dũng

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, thang điểm và trình tự đánh giá công chức, viên chức, người lao động để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Tiêu chí đánh giá để làm căn cứ xác định người có năng lực, phẩm chất đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; xem xét, quyết định đối tượng phải nghỉ việc (*ngỉ hưu và nghỉ thôi việc*) do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và giải quyết chính sách, chế độ.

- Thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động, đảm bảo hiệu quả công việc, phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Yêu cầu

- Việc đánh giá được thực hiện thống nhất, đồng bộ, đảm bảo dân chủ, khoa học, công bằng, khách quan, hợp lý, nhân văn, không mang tính hình thức, đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc đánh giá phải được thực hiện toàn diện về: Chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong, lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật theo từng năm công tác; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ theo từng năm công tác; kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ cá nhân được phân công; sức khỏe của cá nhân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thời gian công tác còn lại tính đến ngày nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định.

- Tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu và dễ áp dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại các phòng, trung tâm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai gồm:

- Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức.

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động hỗ trợ phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022.

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15/01/2019.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Tuân thủ các quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng; của tập thể lãnh đạo, nhất là người đứng đầu và tính dân chủ trong cơ quan, phòng, trung tâm; sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, trung tâm thuộc Sở.

3. Thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể công chức, viên chức, người lao động công tâm, khách quan trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm của công chức, viên chức và người lao động; trên cơ sở đó thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế và thực hiện chính sách, chế độ đối với công chức, viên chức và người lao động.

4. Cá nhân, tập thể lãnh đạo cấp ủy, các phòng, trung tâm và người đứng đầu đánh giá phải khách quan, trung thực chịu trách nhiệm trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng nghỉ việc gắn với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý để cơ quan hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

5. Việc đánh giá được thực hiện theo các tiêu chí của từng nhóm vị trí việc làm (*vị trí lãnh đạo quản lý, vị trí chuyên môn nghiệp vụ, vị trí chuyên môn dùng chung và vị trí hỗ trợ phục vụ*) phù hợp với đặc điểm tình hình và thực tế của các phòng và trung tâm.

6. Kết quả đánh giá tính theo thang điểm 100 điểm dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất. Tổng số điểm đối với từng công chức, viên chức, người lao động được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Trường hợp chuyển công tác từ cơ quan, đơn vị khác đến thì lấy ý kiến đánh giá của cơ quan, đơn vị nơi công chức, viên chức, người lao động công tác trước đây (*trừ trường hợp không còn cơ quan, đơn vị cũ*); trường hợp chuyển công tác trong nội bộ Sở Khoa học và Công nghệ thì lấy ý kiến của trưởng phòng, giám đốc trung tâm nơi công chức, viên chức, người lao động công tác trước đây.

Điều 4. Định lượng hoá các tiêu chí theo thang điểm 100 điểm

1. Chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong, lễ lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ (*tối đa 15 điểm*).

2. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ (*tối đa 30 điểm*).

3. Kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ cá nhân được phân công (*tối đa 30 điểm*).

4. Sức khỏe của cá nhân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (*tối đa 10 điểm*).

5. Thời gian công tác còn lại tính đến ngày nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định của pháp luật (*tối đa 15 điểm*).

Chương II TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Điều 5. Chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong, lễ lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật theo từng năm công tác

1. Xuất sắc: 5 điểm/năm.
2. Tốt: 4 điểm/năm.
3. Trung bình: 3 điểm/năm.
4. Kém: 0 điểm/năm.

Điều 6. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ theo từng năm công tác

1. Xuất sắc: 10 điểm/năm.
2. Tốt: 8 điểm/năm.
3. Trung bình: 6 điểm/năm.
4. Kém: 0 điểm/năm.

Điều 7. Kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ cá nhân được phân công

1. Công chức, viên chức, người lao động (*vị trí chuyên môn nghiệp vụ, vị trí chuyên môn dùng chung và vị trí hỗ trợ phục vụ*)

a) Xuất sắc 10 điểm/năm: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra (*hoặc theo công việc được giao*) đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, trong đó ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức.

b) Tốt 8 điểm/năm: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra (*hoặc theo công việc được giao*) đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

c) Trung bình 6 điểm/năm: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra (*hoặc theo công việc được giao*), trong đó có không quá 20% số chỉ tiêu chưa đảm bảo chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp.

d) Kém 0 điểm/năm: Có trên 30% số chỉ tiêu chưa đảm bảo chất lượng, tiến độ.

2. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (*vị trí lãnh đạo quản lý*)

a) Xuất sắc: 10 điểm/năm.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm được giao phụ trách: Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, trong đó ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản hoàn thành vượt mức.

- Xếp loại đánh giá của các phòng, trung tâm (*hoặc cá nhân trường hợp không có các phòng, trung tâm cấp dưới*) thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý:

100% các phòng, trung tâm (*hoặc cá nhân*) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 70% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Năng lực lãnh đạo, quản lý: Quán triệt, thể chế hóa đầy đủ (*thực hiện tốt*) các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; duy trì kỷ luật, kỷ cương; kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả; kịp thời chỉ đạo giải quyết các nhiệm vụ phát sinh; quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong các phòng, trung tâm.

- Năng lực tập hợp, đoàn kết: Huy động tối đa sự tham gia của tập thể, cá nhân trong lĩnh vực được giao phụ trách, đoàn kết, thống nhất cao.

b) Tốt: 8 điểm/năm.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm được giao phụ trách: Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 80% hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng.

- Xếp loại đánh giá của các phòng, trung tâm (*hoặc cá nhân trường hợp không có các phòng, trung tâm cấp dưới*) thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý: 100% các phòng, trung tâm (*hoặc cá nhân*) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

- Năng lực lãnh đạo, quản lý: Quán triệt, thể chế hóa cơ bản (*đáp ứng*) các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; duy trì kỷ luật, kỷ cương; kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả; kịp thời chỉ đạo giải quyết các nhiệm vụ phát sinh; quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong các phòng, trung tâm.

- Năng lực tập hợp, đoàn kết: Huy động tốt sự tham gia của tập thể, cá nhân trong lĩnh vực được giao phụ trách, đoàn kết, thống nhất.

c) Trung bình: 6 điểm/năm.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm được giao phụ trách: Hoàn thành trên 70% chỉ tiêu, nhiệm vụ trở lên.

- Xếp loại đánh giá của các phòng, trung tâm (*hoặc cá nhân trường hợp không có các phòng, trung tâm cấp dưới*) thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý: Có từ 70% các phòng, trung tâm (*hoặc cá nhân*) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

- Năng lực lãnh đạo, quản lý: Quán triệt, thể chế hóa cơ bản (*đáp ứng*) các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; duy trì kỷ luật, kỷ cương; kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức

thực hiện hiệu quả; kịp thời chỉ đạo giải quyết các nhiệm vụ phát sinh; quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực các phòng, trung tâm. Tuy nhiên, có một số vụ, việc còn chậm đến mức bị phê bình, nhắc nhở (*có văn bản, kết luận cụ thể*).

- Năng lực tập hợp, đoàn kết: Huy động cơ bản sự tham gia của tập thể, cá nhân trong lĩnh vực được giao phụ trách, đoàn kết, thống nhất.

d) Kém: 0 điểm/năm.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm được giao phụ trách: Không đạt mức hoàn thành trên 70% chỉ tiêu, nhiệm vụ.

- Xếp loại đánh giá của các phòng, trung tâm (*hoặc cá nhân trường hợp không có các phòng, trung tâm cấp dưới*) thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý: Không đạt từ 70% các phòng, trung tâm (*hoặc cá nhân*) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

- Năng lực lãnh đạo, quản lý: Chưa thực hiện tốt một trong các nội dung (*có văn bản, kết luận cụ thể*) như sau: Chưa quán triệt, thể chế hóa cơ bản các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước tại cơ quan, đơn vị; không duy trì kỷ luật, kỷ cương trong các phòng, trung tâm hoặc để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý.

- Năng lực tập hợp, đoàn kết: Có phản ánh, kiến nghị, nhắc nhở (*có văn bản, kết luận cụ thể*) liên quan đến tập thể, cá nhân được giao phụ trách mất đoàn kết.

Điều 8. Sức khỏe của cá nhân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

1. Sức khỏe tốt: Không phải nghỉ trong ngày làm việc do ốm, đau, bệnh tật; tích cực tham gia các hoạt động chung do các phòng, trung tâm và Sở phát động: 10 điểm.

2. Sức khỏe bình thường: Có nghỉ trong ngày làm việc do ốm, đau, bệnh tật nhưng không thường xuyên (*không quá 03 ngày/năm*), ít nghiêm trọng, không phải điều trị bệnh tại bệnh viện: 08 điểm.

3. Sức khỏe yếu: Thường xuyên nghỉ ốm, điều trị bệnh trong ngày làm việc (*từ 04 ngày trở lên/năm*) và ít tham gia các hoạt động chung do các phòng, trung tâm và Sở phát động vì lý do sức khỏe: 05 điểm.

4. Sức khỏe kém: Đang phải điều trị bệnh hiểm nghèo có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền: 02 điểm.

Điều 9. Thời gian công tác còn lại tính đến ngày nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định (từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm)

1. Đối tượng trong điều kiện lao động bình thường tại Phụ lục I của Nghị định 135/2020/NĐ-CP

a) Còn trên 10 năm công tác: 15 điểm.

b) Từ đủ 10 năm công tác trở xuống thì cứ giảm 01 năm trừ 1,5 điểm (0,5 năm trừ 0,75 điểm).

2. Đối tượng tuổi nghỉ hưu thấp nhất tại Phụ lục II của Nghị định 135/2020/NĐ-CP

a) Còn trên 05 năm công tác: 15 điểm.

b) Từ đủ 05 năm công tác trở xuống thì cứ giảm 01 năm trừ 03 điểm (0,5 năm trừ 1,5 điểm).

Chương III **PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH** **ĐỐI TƯỢNG PHẢI NGHỈ VIỆC**

Điều 10. Đánh giá, xác định người phải nghỉ việc (nghỉ hưu, thôi việc) do sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc đối tượng hưởng chính sách chế độ theo Phiếu đánh giá

1. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý

Căn cứ Quy định 778-QĐ/TU, ngày 27/12/2023 của Tỉnh ủy về việc ban hành Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai, các phòng, trung tâm tổ chức đánh giá theo mẫu Phiếu đánh giá đối với các chức danh tương đồng (cấp trưởng đánh giá với cấp trưởng, cấp phó đánh giá với cấp phó), trên cơ sở điểm số được xác định tại Phiếu đánh giá, lấy theo thứ tự điểm số từ thấp đến cao đến khi đạt đủ số lượng lãnh đạo, quản lý dồi dư cần phải cắt giảm.

2. Đối với người không giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý

Căn cứ biên chế được giao và vị trí, việc làm được phê duyệt, các phòng, trung tâm tổ chức đánh giá theo Phiếu đánh giá, trên cơ sở điểm số được xác định tại Phiếu đánh giá, lấy theo thứ tự điểm số từ thấp đến cao đến khi đạt đủ tỷ lệ phải cắt giảm theo yêu cầu tại Văn bản số 31/CV-BCĐTKNQ ngày 04/01/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (tối thiểu 20%).

Điều 11. Ưu tiên, khuyến khích giải quyết cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc

Giải quyết cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Người có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

2. Có sức khỏe yếu, không đảm bảo yêu cầu công việc.

3. Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

4. Bằng cấp chuyên môn chưa đúng với yêu cầu vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Còn dưới 10 năm công tác đến tuổi nghỉ hưu theo quy định.

6. Trường hợp có từ 2 người trở lên (*trong cùng 01 nhóm vị trí việc*) có tổng số điểm bằng nhau (*theo các tiêu chí quy định tại Chương II*) thì sẽ xét theo ngày, tháng, năm sinh của từng đối tượng, người nhiều tuổi hơn sẽ nghỉ việc trước.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Trình tự thực hiện đánh giá

1. Bước 1: Căn cứ tiêu chí đánh giá công chức, viên chức, người lao động tự đánh giá, chấm điểm theo mẫu (*Phiếu đánh giá*) đảm bảo trung thực, chính xác, báo cáo lãnh đạo phòng, trung tâm cho ý kiến.

2. Bước 2: Tập thể lãnh đạo phòng, trung tâm thảo luận, phân tích và cho ý kiến đánh giá bảo đảm công tâm, khách quan đối với từng công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Bước 3: Căn cứ kết quả đánh giá tại bước 2, lãnh đạo phòng, trung tâm xin ý kiến của chi ủy về kết quả đánh giá đối với công chức, viên chức, người lao động và gửi báo cáo đề xuất và Phiếu đánh giá cho công chức tham mưu công tác tổ chức, cán bộ của Văn phòng Sở.

4. Bước 4: Công chức tham mưu công tác tổ chức, cán bộ của Văn phòng Sở tổng hợp báo cáo đề xuất, Phiếu đánh giá của các phòng, trung tâm xin ý kiến của Đảng ủy, tập thể lãnh đạo Sở, công đoàn Sở về kết quả đánh giá công chức, viên chức, người lao động.

5. Bước 5. Đảng ủy, tập thể lãnh đạo Sở, công đoàn Sở họp, xác định đối tượng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc; Giám đốc Sở quyết định kết quả đánh giá hoặc trình cấp có thẩm quyền đánh giá theo phân cấp quản lý về công tác tổ chức, cán bộ; thông báo công khai kết quả đánh giá và giải đáp ý kiến phản hồi của công chức, viên chức, người lao động.

6. Bước 6. Công chức tham mưu công tác tổ chức, cán bộ của Văn phòng Sở lập danh sách, dự toán số tiền và hồ sơ trình Giám đốc Sở ký, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh.

7. Bước 7. Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc, hưởng chế độ, chính sách của Chủ tịch UBND tỉnh, công chức tham mưu công tác tổ chức, cán bộ của Văn phòng Sở dự thảo quyết định trình Giám đốc Sở ký Quyết định cho công chức, viên chức và người lao động nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 13. Thời điểm đánh giá

Thời điểm đánh giá, chấm điểm (*theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP*) do Đảng ủy, tập thể lãnh đạo Sở quyết định phù hợp với lộ trình thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế và thực hiện chính sách, chế độ đối với công chức, viên chức, người lao động.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm

1. Trưởng phòng, giám đốc trung tâm thuộc Sở phổ biến Quy định này tới công chức, viên chức, người lao động; tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền.
2. Văn phòng Sở tham mưu cho Giám đốc Sở theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và thẩm định kết quả việc thực hiện Quy định này.
3. Đề nghị Ban thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện Quy định này, đảm bảo khoa học, công bằng, khách quan, hợp lý, nhân văn, đúng quy định.
4. Lãnh đạo Sở lãnh đạo, chỉ đạo các phòng, trung tâm làm tốt công tác tư tưởng cho công chức, viên chức, người lao động, không để tiêu cực phát sinh, tạo sự thống nhất trong toàn cơ quan.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, trưởng các phòng, giám đốc các trung tâm, công chức, viên chức, người lao động kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở xem xét, giải quyết./.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Dùng trong sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

STT	Tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất	Công chức, viên chức, người lao động tự đánh giá, chấm điểm				Cấp ủy, tập thể lãnh đạo phòng, trung tâm đánh giá, chấm điểm			
		Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được	Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được
1	Chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong, lễ lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật theo từng năm công tác (tối đa 15 điểm)								
1.1	Xuất sắc: 5 điểm/năm								
1.2	Tốt: 4 điểm/năm								
1.3	Trung bình: 3 điểm/năm								
1.4	Kém: 0 điểm/năm								
2	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ theo từng năm công tác (tối đa 30 điểm)								
2.1	Xuất sắc: 10 điểm/năm								
2.2	Tốt: 8 điểm/năm								
2.3	Trung bình: 6 điểm/năm								
2.4	Kém: 0 điểm/năm								
3	Kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ cá nhân được phân công (tối đa 30 điểm).								

STT	Tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất	Công chức, viên chức, người lao động tự đánh giá, chấm điểm				Cấp ủy, tập thể lãnh đạo phòng, trung tâm đánh giá, chấm điểm			
		Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được	Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được
3.1	Công chức, viên chức, người lao động (vị trí chuyên môn nghiệp vụ, vị trí chuyên môn dùng chung và vị trí hỗ trợ phục vụ).								
a	Xuất sắc 10 điểm/năm: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra (hoặc theo công việc được giao) đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, trong đó ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức.								
b	Tốt 8 điểm/năm: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra (hoặc theo công việc được giao) đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.								
c	Trung bình 6 điểm/năm: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra (hoặc theo công việc được giao), trong đó có không quá 20% số chỉ tiêu chưa đảm bảo chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp.								
d	Kém 0 điểm/năm: Có trên 30% số chỉ tiêu chưa đảm bảo chất lượng, tiến độ.								
3.2	Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (vị trí lãnh đạo quản lý)								
a	Xuất sắc: 10 điểm/năm. - Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm được giao phụ trách: Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, trong đó ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản hoàn thành vượt mức. - Xếp loại đánh giá của các phòng, trung tâm (hoặc cá nhân trường hợp không có các phòng, trung tâm cấp dưới) thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý: 100% các phòng, trung tâm (hoặc cá nhân) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 70% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. - Năng lực lãnh đạo, quản lý: Quán triệt, thể chế hóa đầy đủ (thực hiện tốt) các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; duy trì kỷ luật, kỷ cương; kiểm tra, giám sát, giải quyết								

STT	Tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất	Công chức, viên chức, người lao động tự đánh giá, chấm điểm				Cấp ủy, tập thể lãnh đạo phòng, trung tâm đánh giá, chấm điểm			
		Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được	Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được
	khieu nại, tố cáo; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả; kịp thời chỉ đạo giải quyết các nhiệm vụ phát sinh; quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong cơ quan, đơn vị. - Năng lực tập hợp, đoàn kết: Huy động tối đa sự tham gia của tập thể, cá nhân trong lĩnh vực được giao phụ trách, đoàn kết, thống nhất cao.								
b	Tốt: 8 điểm/năm. - Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm được giao phụ trách: Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 80% hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng. - Xếp loại đánh giá của các phòng, trung tâm (hoặc cá nhân trường hợp không có các phòng, trung tâm cấp dưới) thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý: 100% các phòng, trung tâm (hoặc cá nhân) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên. - Năng lực lãnh đạo, quản lý: Quán triệt, thể chế hóa cơ bản (đáp ứng) các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; duy trì kỷ luật, kỷ cương; kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả; kịp thời chỉ đạo giải quyết các nhiệm vụ phát sinh; quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong cơ quan, đơn vị. - Năng lực tập hợp, đoàn kết: Huy động tốt sự tham gia của tập thể, cá nhân trong lĩnh vực được giao phụ trách, đoàn kết, thống nhất.								
c	Trung bình: 6 điểm/năm. - Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm được giao phụ trách: Hoàn thành trên 70% chỉ tiêu, nhiệm vụ trở lên. - Xếp loại đánh giá của các phòng, trung tâm (hoặc cá nhân trường hợp không có các phòng, trung tâm cấp dưới) thuộc thẩm								

STT	Tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất	Công chức, viên chức, người lao động tự đánh giá, chấm điểm				Cấp ủy, tập thể lãnh đạo phòng, trung tâm đánh giá, chấm điểm			
		Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được	Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được
	quyền phụ trách, quản lý: Có từ 70% các phòng, trung tâm (hoặc cá nhân) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên. - Năng lực lãnh đạo, quản lý: Quán triệt, thể chế hóa cơ bản (đáp ứng) các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; duy trì kỷ luật, kỷ cương; kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả; kịp thời chỉ đạo giải quyết các nhiệm vụ phát sinh; quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, có một số vụ, việc còn chậm đến mức bị phê bình, nhắc nhở (có văn bản, kết luận cụ thể). - Năng lực tập hợp, đoàn kết: Huy động cơ bản sự tham gia của tập thể, cá nhân trong lĩnh vực được giao phụ trách, đoàn kết, thống nhất.								
d	Kém: 0 điểm/năm. - Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm được giao phụ trách: Không đạt mức hoàn thành trên 70% chỉ tiêu, nhiệm vụ. - Xếp loại đánh giá của các phòng, trung tâm (hoặc cá nhân trường hợp không có các phòng, trung tâm cấp dưới) thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý: Không đạt từ 70% các phòng, trung tâm (hoặc cá nhân) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên. - Năng lực lãnh đạo, quản lý: Chưa thực hiện tốt một trong các nội dung (có văn bản, kết luận cụ thể) như sau: Chưa quán triệt, thể chế hóa cơ bản các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước tại cơ quan, đơn vị; không duy trì kỷ luật, kỷ cương trong các phòng, trung tâm hoặc để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý.								

STT	Tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất	Công chức, viên chức, người lao động tự đánh giá, chấm điểm				Cấp ủy, tập thể lãnh đạo phòng, trung tâm đánh giá, chấm điểm			
		Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được	Năm 20	Năm 20	Năm 20	Điểm đạt được
	- Năng lực tập hợp, đoàn kết: Có phản ánh, kiến nghị, nhắc nhở (có văn bản, kết luận cụ thể) liên quan đến tập thể, cá nhân được giao phụ trách mất đoàn kết.								
4.	Sức khỏe của cá nhân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (tối đa 10 điểm)	Đánh giá chung trong giai đoạn 03 năm gần nhất							
4.1	Sức khỏe tốt: Không phải nghỉ trong ngày làm việc do ốm, đau, bệnh tật; tích cực tham gia các hoạt động chung do các phòng, trung tâm phát động (10 điểm)								
4.2	Sức khỏe bình thường: Có nghỉ trong ngày làm việc do ốm, đau, bệnh tật nhưng không thường xuyên (không quá 03 ngày/năm), ít nghiêm trọng, không phải điều trị bệnh tại bệnh viện (08 điểm)								
4.3	Sức khỏe yếu: Thường xuyên nghỉ ốm, điều trị bệnh trong ngày làm việc (từ 04 ngày trở lên/ năm) và ít tham gia các hoạt động chung do các phòng, trung tâm phát động vì lý do sức khỏe (05 điểm)								
4.4	Sức khỏe kém: Đang phải điều trị bệnh hiểm nghèo có xác nhận của cơ sở Y tế có thẩm quyền (02 điểm).								
5	Thời gian công tác còn lại tính đến ngày nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định (tối đa 15 điểm) <i>Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm</i>	Tính từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy có hiệu lực đến ngày nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định							
	Đối tượng trong điều kiện lao động bình thường tại Phụ lục I của Nghị định 135/2020/ND-CP								
5.1	Còn trên 10 năm công tác (15 điểm)								
5.2	Từ đủ 10 năm công tác trở xuống thì cứ giảm 01 năm trừ 1,5 điểm (tương tự 0,5 năm trừ 0,75 điểm)								
	Đối tượng tuổi nghỉ hưu thấp nhất tại Phụ lục II của Nghị định 135/2020/NĐ-CP								
5.1	Còn trên 05 năm công tác (15 điểm)								
5.2	Từ đủ 05 năm công tác trở xuống thì cứ giảm 01 năm trừ 03 điểm (tương tự 0,5 năm trừ 1,5 điểm)								
	TỐI ĐA 100 ĐIỂM								

Lào Cai, ngày tháng năm 20 Lào Cai, ngày tháng năm 20 Lào Cai, ngày tháng năm 20 Lào Cai, ngày tháng năm 20

**CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC,
NGƯỜI LAO ĐỘNG**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG/
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA...
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)